

Sự viên dung độc đáo giữa đời và đạo trong thơ xuân của tổ Trúc Lâm

ISSN: 2734-9195 21:55 15/02/2017

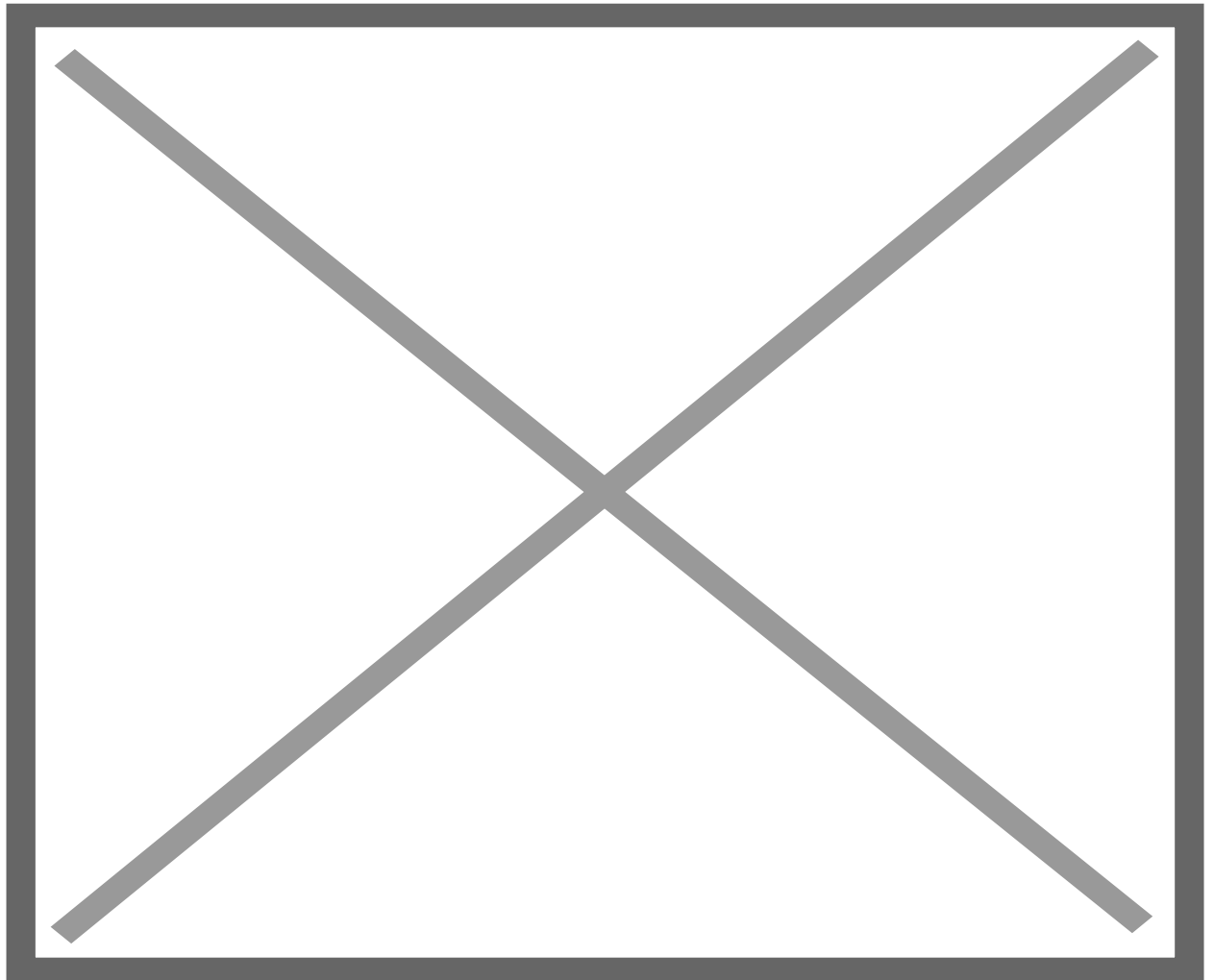
Nhân dịp đầu xuân, chúng ta cùng nhau trở lại cội nguồn Trúc Lâm Yên Tử đọc lại hai bài thơ xuân của Trần Nhân Tông và Huyền Quang. Đó là bài “Văn Xuân” và “Tức cảnh ngày xuân” của Tổ Trúc Lâm.

Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông, sinh ngày 11 tháng 11 năm Mậu Ngọ 1258. Năm 21 tuổi lên ngôi Hoàng Đế, ở ngôi 14 năm lãnh đạo thành công hai cuộc chống Nguyên Mông (1288-1293). Sau đó nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông, xuất gia vào Yên Tử tu hành tháng 8 năm 1299. Sinh thời, đức Vua Trần Nhân Tông am tường sâu sắc các sách nội điển và ngoại điển (tức thơ văn, triết học, giáo lý đạo Phật), những tác phẩm giá trị còn để lại tới nay, đó là “Trần Nhân Tông thi tập, Hải án thi tập, Thạch thất my ngữ, Tăng già toái sự, Trung hưng thực lục.”

Theo nhận định và đánh giá của các thế hệ sau này, đức Vua Trần Nhân Tông là nhà thơ có phong cách đa dạng kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thế sự rất tinh tế; về hình thức, thì thi tứ không cầu kỳ mà dung dị đơn sơ, nhưng nội dung thì uyên bác. Đặc biệt là ở trong các bài đề cập về giáo lý đạo Phật và một số bài viết về thế sự, ta thấy toát lên lòng thương dân, yêu cuộc sống, có tầm vóc lớn khó có thể so sánh. Nói tới Trần Nhân Tông, người Việt Nam ta không ai có thể quên hai câu thơ nổi tiếng:

“Xã tắc hai phen chồn ngựa đá Non sông muôn thửa vững âu vàng.”

Đây là hai câu thơ tổng kết quá trình chiến thắng vĩ đại, ghi lại chiến công hiển hách chống Nguyên Mông đầy khí phách của quân dân Đại Việt, khi đưa bọn tù binh đọc trước lăng Trần Thái Tông.



Với hai câu thơ trên, ta thấy hồn thơ đầy cảm khái khí phách. Đây là những câu thơ viết khi Trần Nhân Tông còn tại vị. Đến khi xuất gia tu hành, Sơ Tổ Trúc Lâm khi đề cập về xuân lại thấm đậm lẽ đời, lẽ đạo sâu thẳm cõi thiền qua bài “Xuân vãn” mà chúng ta cùng tìm hiểu dưới đây:

Xuân Vãn *“Niên thiếu hà tăng liễu sắc không Nhất xuân tâm sự bách hoa trung. Như kim khám phá Đông Hoàng diện Thiên bản bồ đoàn khán trụ hồng.”*

Ngô Tất Tố dịch:

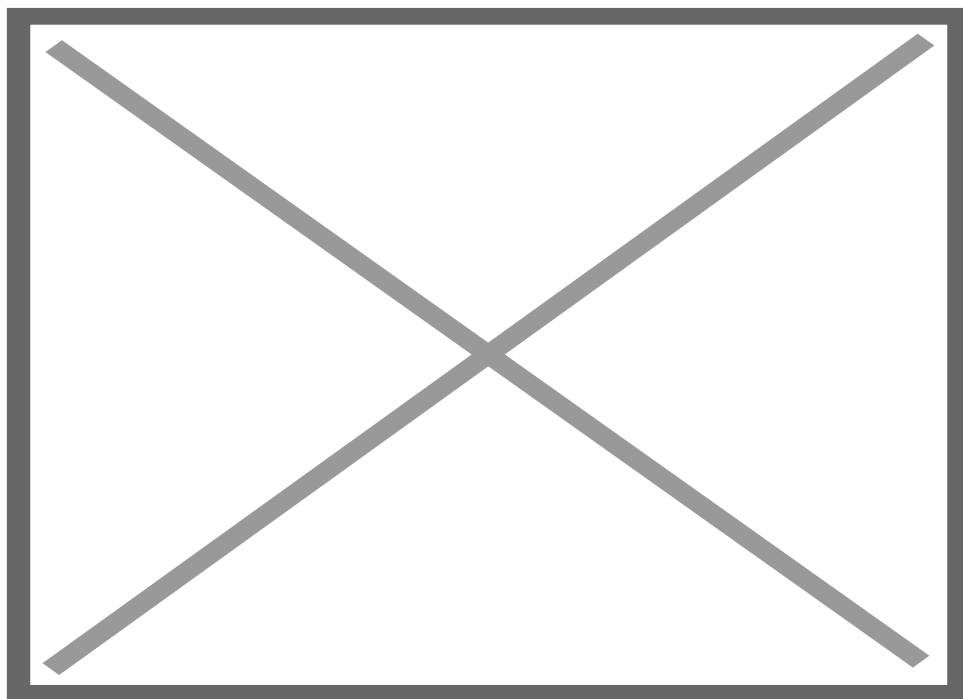
Cuối Xuân *“Thủa bé chưa từng rõ sắc không Xuân về hoa nở rộ trong lòng. Chứa xuân nay bị ta khám phá Chiếu trải giường thiền ngắm cánh hồng.”*

Với bài thơ trên của Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông, những người mộ đạo coi đây là bài thơ tâm đắc. Bởi nó phản ánh được cái triết lý, hay nói đúng hơn là bản thể “Chân Như” của đạo Phật.

Ta thử tìm hiểu câu thứ nhất của bài:

“Thủa bé chưa từng rõ sắc không”

Ý câu thơ này nói khi còn nhỏ, thời niên thiếu ở trong ngôi vị sang trọng của một ông hoàng chưa thấm đạo lý, mỗi lần xuân về hương sắc đua nở nên “Xuân về hoa nở rộ trong lòng”. Sắc hương, hương sắc đã quên cả tâm hồn ông hoàng trẻ tuổi và hương sắc mùa xuân ấy đã cảm hóa lòng người làm thối thức bao nhiêu cảnh vật xa lạ, với bao sự mong ước gửi gắm vào mùa xuân.



Nhưng khi tìm thấy được đạo rồi, cởi bỏ mọi danh vọng sắc tài của trần thế. Trần Nhân Tông bước chân vào cửa thiền. Chính tác giả đã khám phá ra quy luật vũ trụ vô vi, thấy được mặt thật xưa nay của chính mình và ta hãy nghe câu thứ ba của bài:

“Chúa xuân nay bị ta khám phá”

Chúa xuân ở đây, Theo Hòa thượng thiền sư Thích Thanh Từ là chữ Đông Hoàng Diện, chỉ vị thần của mùa xuân, nhưng nói chúa xuân thì nghe rõ hơn. Chúa xuân ở đây không phải là vị thần ở bên ngoài mà là chỉ tâm chân thật của chính mình, và nay mình đã nhận được ra nó, nên tâm hồn không còn lạc chạy lồi cuồn mà là tâm hồn tự tại an nhiên:

“Chiếu trải giường thiền ngấm cánh hồng”

Đây là câu thứ tư và cũng là câu cuối của bài thơ. Đọc câu này, chúng ta thấy, chiếu trải giường thiền ngấm cánh hồng chứ không phải ngấm cánh đào (một thứ hoa đại diện cho mùa xuân). Ở đây câu thơ cho ta một so sánh thú vị. Bởi hoa hồng hay hoa đào nó cũng nở, cũng tàn theo quy luật “vô thường”. Cái hay mà mọi người đều thấy sự ẩn ý ở đây là mùa xuân lại ngồi ở giường thiền ngấm cánh hồng chứ không ngấm “chúa xuân bên ngoài” là hoa đào, hoa mai theo

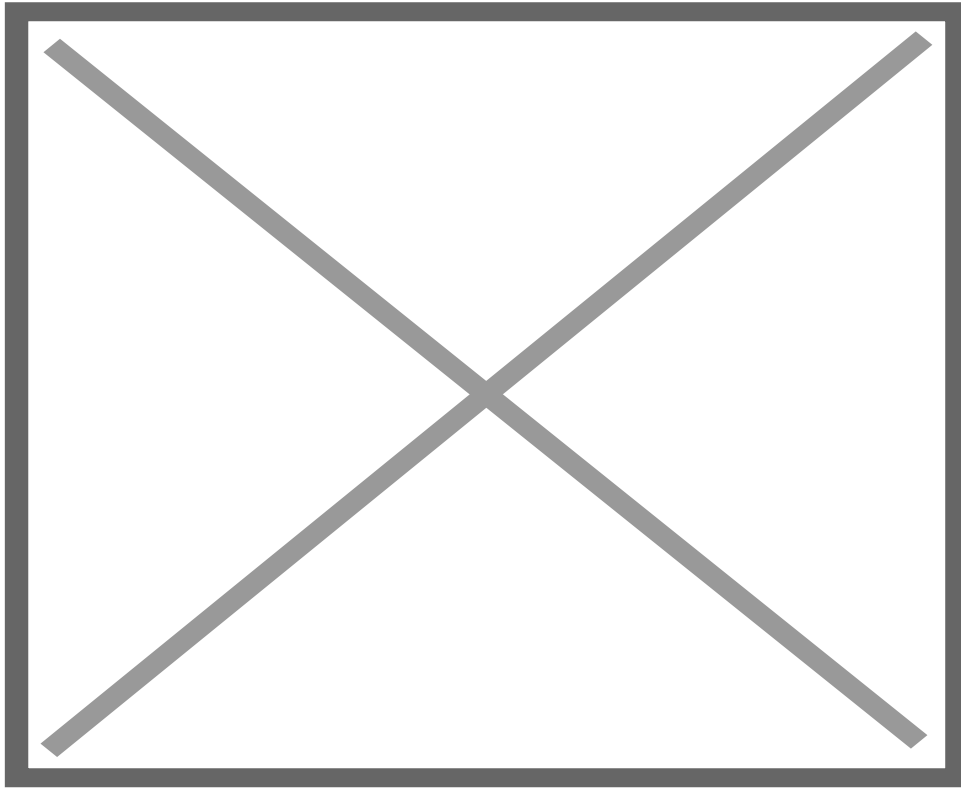
quy luật mà chúng ta vẫn thấy thông thường ở cuộc đời. Phải chăng người đến với đạo đã nhận ra được lẽ vô thường của các pháp thế gian. Và người đạt đạo, tâm đã định rồi thì làm sao phải vui buồn theo cái hữu hạn khi dòng thời gian luôn cuộn trôi, hiện tượng trong không gian luôn chuyển mình sinh diệt. Song dưới con mắt thiền sư vẫn thấy có cái gì hiện hữu thoát ngoài luật sinh diệt của thời gian...Theo thiền sư Thích Thanh Từ, xét về mặt hình thức thì ai cũng như ai, nhưng trong lòng thì khi mê, khi tỉnh có khác nhau. Do vậy, đối với người tâm chưa “định tĩnh”, hay nói đúng hơn là chưa hiểu đạo-thấy cuộc đời lúc vui, lúc buồn như cánh hoa nở hoa tàn. Và khi hiểu được đạo rồi lại thấy an nhiên tự tại không bị ngoại cảnh lôi kéo tác động. Bởi đã nhìn rõ quy luật của vô thường. Quy luật này chỉ thấy được khi “quán chiếu” tĩnh thức do thiền quán đem lại. Đó là bài thơ “Cuối Xuân” của Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông muốn gửi chúng ta?

Khác với bài “Cuối xuân” của Điều ngự Trần Nhân Tông. Bài thơ “Tức cảnh ngày xuân” của Huyền Quang (Tổ thứ ba Phái thiền Trúc Lâm) lại không lấy cái ta “chúa xuân nay bị ta khám phá” như Điều ngự, mà bài thơ lại viết về một mỹ nữ yêu kiều trước mùa xuân. Dưới đây là bài thơ của thi sĩ Huyền Quang:

Xuân nhật tức sự *“Nhị bát giai nhân thích tú trì Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly. Khả liên vô hạn thương xuân ý Tân tại đình châm bất ngữ thì.”*

Huệ Chi dịch (Thơ văn Lý Trần II, tr.682) **Tức cảnh ngày xuân** *“Lông tay thêu gấm, gái yêu kiều, Hoa rợp oanh vàng lãnh lót kêu Bao nỗi thương xuân thương biết mấy, Là khi không nói chợt dừng thêu”.*

Đọc bài thơ trên, không ai nghĩ rằng đây là bài thơ của một thiền sư.



Theo bản dịch này, tác giả Minh Chi cho rằng, đây là cô gái đôi tám thương cảm mùa xuân. Thực ra thì đó là tình xuân của cô gái đôi tám bị tổn thương và nhà thơ là Huyền Quang thông cảm sâu sắc với tình xuân, ý xuân của cô gái đang tuổi yêu đương và chắc là đang yêu đương. Và rất có thể là cô gái vừa thêu gấm, vừa nghĩ tới người yêu mình ở xa chẳng? Cảnh người con gái thêu gấm dưới hoa tử kinh đang nở, trong tiếng hót thánh thót của chim oanh đúng là cảnh đẹp mùa xuân. Thế nhưng tuổi 16 của cô gái cũng là tuổi xuân và tình cảm của người con gái đang thêu gấm cũng là tình xuân, ý xuân. Và tình xuân ý xuân đó đang bị tổn thương. Bị tổn thương như thế nào, vì sao bị tổn thương...thì thi sĩ Huyền Quang không nói rõ, và cũng có thể là thi sĩ cũng không biết rõ để mà diễn tả trong thơ. Thi sĩ nhìn thấy cô gái đang thêu gấm chậm rãi, có lúc lại dừng mũi kim như đang nhớ tới ai, và thi sĩ trực cảm với nỗi buồn của cô gái mà tức cảnh làm ra bài thơ này. Đề là: “Xuân nhật tức sự” dịch là “Tức sự ngày xuân”.

Theo tác giả Minh Chi trong bài viết về thơ Huyền Quang in tại cuốn “Thiền học đời trần” (NXBTG-2003). Khi đề cập bài thơ “Tức sự ngày xuân” của Huyền Quang ông cho rằng: Trong tạp chí Văn học số 1, học giả Lê Mạnh Thát nói xuất xứ bài thơ này là trong thơ thiền đời Tống, thế nhưng đối chiếu hai bài thơ, thấy có nhiều khác biệt, cho nên Viện văn học biên soạn cuốn “Thơ văn Lý Trần tập II” vẫn ghi nhận bài này là của Huyền Quang. Song điều cần nói ở đây là, theo tác giả Minh Chi, khi Viện văn học giới thiệu Huyền Quang với nhận định cho rằng trong Huyền Quang “con người thi nhân rõ nét hơn con người tôn giáo, chỉ

với lẽ thơ của Huyền Quang có đậm nét trữ tình”.

Quả thật khi đọc hai câu đầu của bài thơ “Tức cảnh ngày xuân” của Huyền Quang không ít người cho rằng, là một thiền sư lại làm thơ quá dồi dào tình cảm như vậy. Cùng nhận xét trên, Hòa thượng Thích Thanh Từ khi đề cập về bài thơ này, trong cuốn “Tam Tổ Trúc Lâm” nhận định: hai câu đầu của bài thơ, chất trữ tình bộc lộ khá rõ nét. Đó là cô gái đẹp tuổi trăng tròn 16 “dáng mỹ nhân”, “lú lo oanh hót khóm hoa gần”. Một mỹ nữ đang thêu gấm, ngoài kia chim hoàng oanh hót dưới một khóm hoa tử kinh đang nở. Thật là một cảnh xuân đẹp lãng mạn biết dường nào. Nhưng thật bất ngờ, đến kết của bài thơ “Tận tại đình châm bất ngữ thì”. Tức chỉ tại dừng kim chẳng mở lời. Người đọc thấy thiền sư thương cô gái quá! Nhưng không ngờ câu cuối: chỉ ở: “chỗ dừng kim” không còn thêu, không còn nói. Tức là dừng không đan dệt mối manh, loan nghịch - chỉ cho sự dừng ác nghiệp thế gian. Theo thiền sư Thích Thanh Từ đây là chỗ ẩn ý của bài thơ.

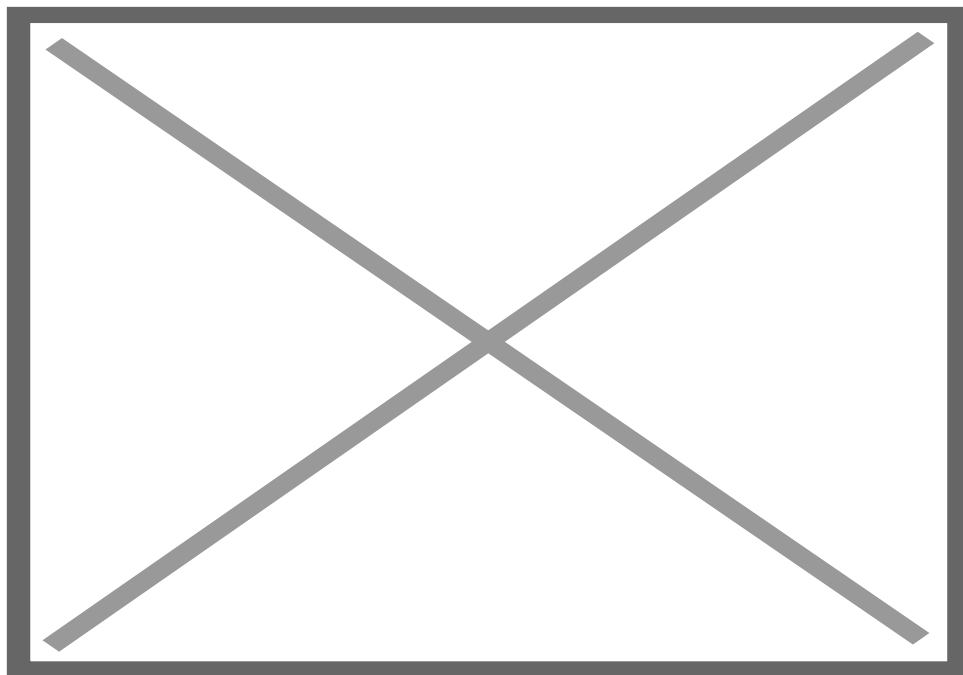
Trở lại với nhận định của Viện văn học, khi giới thiệu thơ Huyền Quang cho rằng: Con người thi nhân rõ nét hơn con người tôn giáo, chỉ bởi lẽ thơ Huyền Quang đậm nét trữ tình.

Về điểm này, tôi rất đồng tình với tác giả Minh Chi muốn đặt vấn đề: Thế thì văn chương của Phật giáo là một loại văn chương khô khan lắm hay sao? Các thiền sư đều là người lạnh lùng bất nhần cả sao? Đã là tu theo đạo Phật thì phải loại bỏ hết cảm xúc và chất hữu tình sao?

Qua tìm hiểu được biết, trong kinh Phật không thiếu các đoạn văn hay kệ trữ tình. Có thể nói là rất trữ tình. Nhiều cao tăng nổi tiếng ở Ấn Độ, Trung Á, Tây Tạng, Nhật Bản, Trung Hoa... đều là những nhà thơ lớn, những văn sĩ biện tài. Mã Minh một thiền sư chủ biên cuộc Đại hội kết tập kinh điển lần thứ 4, dưới triều đại vua Kaniskha, tác giả cuốn “Phật sử hành tảo”, mà theo truyền thuyết của quyển sách gối đầu giường này, người dân chúng xứ Ấn đã coi như là một vật báu lưu truyền ở nhiều thời đại sau này. Cùng với Mã Minh, Luận sư Santideva, vốn là hoàng tử con vua xứ Saurashtra, miền Nam Ấn Độ, đã từ bỏ ngôi vua xuất gia theo học ở Nalanda và trở thành một nhà Phật học nổi tiếng theo bộ phái Trung Quán. Nhưng nổi tiếng nhất trong các tác phẩm của ông lại là tập thơ triết lý Bodhicaryavatara. Ông không chỉ là nhà thơ là nhà tư tưởng Ấn Độ lừng danh ở thế kỷ thứ VIII, người đại diện cuối cùng của tư trào Trung Quán luận ở Ấn Độ v.v... Ở nước ta hầu hết các thiền sư đời Lý, đời Trần đều là thi sĩ để lại hậu thế nhiều bài thơ, bài kệ có giá trị tư tưởng và văn chương lớn hiện còn lưu giữ đến nay.

Thơ cũng như văn là trực cảm, cảm xúc với người, với cảnh, và với bản thân mình, không phải cái mình cái ta hời hợt, mà là cái ta chân thật, cái ta mà bậc thánh cảm nhận là cùng một thể với tất cả chúng sinh, tất cả vạn vật.

Văn thơ ngài Huyền Quang cũng là biểu hiện một sự cảm xúc hay trực cảm như vậy, nhưng vì ông đồng thời cũng là trạng nguyên, cho nên ông biểu hiện sự trực cảm của ông bằng những lời thơ, lời văn mà chúng ta có thể nói là: “Giòng giòng châu ngọc, hàng hàng gấm thêu”.



Cảnh mà Huyền Quang tả là cảnh chùa am ẩn trên non cao, hay là cảnh chiếc thuyền con lênh đênh trên sông rộng, đúng như lời nhận xét của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú khen thơ của Huyền Quang là “Ý tinh tế cao siêu”, “Lời bay bướm phóng khoáng”.

“Am mây trời xanh lạnh, Cửa mở trên tầng mây...”

Trên non cao, thiền sư sống trong am đá, nằm khuất trong mây, mặc áo lông, sống qua mùa lạnh, ngồi trên giường thiền cạnh có cuốn kinh đặt trên án, khi trong lò củi đã tàn, mặt trời phía đông đã lên quá ba cây sào:

Bài thơ như sau:

“Nửa gian nhà đá lẫn trong mây, Tắm áo lông thô lạnh tháng ngày, Sư tọa giường thiền kinh trước án, Lò tàn, củi hết, mặt trời cao.”

Để minh chứng cho chất trữ tình và cảm quan trực giác trong thơ Huyền Quang, ta tìm hiểu thêm bài thơ có tựa đề “Thu sớm”. Đây là bài thơ ngắn vịnh cảnh sống của sư, nhưng lời lẽ cũng như hình ảnh sử dụng thật khéo và gợi cảm. Bài

thơ này được Nguyễn Đồng Chi dịch như sau:

*“Hơi mát đêm sâu lọt tới màn, Cây xuân xào xạc báo thu thanh. Bên lầu quên
băng hương vừa tắt, Lưới bủa vùng trăng, mây khóm cành.”*

Theo các dịch giả và những người quan tâm đến thơ của Huyền Quang đều cho rằng, dù người dịch có ngòi bút điêu luyện, cũng khó lột tả hết ý thơ của thiền sư. Đỗ trạng nguyên khi 19 tuổi, Huyền Quang ra làm quan một thời gian không lâu rồi đi tu, theo vua Trần Nhân Tông tu hành mà ông suy tôn là Phật sống. Huyền Quang và Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông, vừa là thầy trò theo nghĩa đạo, vừa là bạn tâm giao về thơ phú văn chương. Huyền Quang nổi nghiệp Pháp Loa làm tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Nhân dịp đầu xuân, tìm hiểu hai bài thơ “Xuân vãn” và “Tức cảnh ngày xuân” của Tổ Trúc Lâm. Đây là hai bài thơ mang phong cách khác nhau, nhưng đều nằm trong mảng thơ thiền và không nằm ngoài dòng văn học sử Việt Nam. Đọc và suy ngẫm những bài thơ trên, chúng ta càng thấy sự tinh tế, độc đáo về nghệ thuật và hơn thế nữa là sự triết lý viên dung giữa đời và đạo trong thơ xuân của Tổ Trúc Lâm.

Xuân Đinh Dậu 2017.

Tác giả: **Nguyễn Đức Sinh Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 1/2017**